SAO Y; CHI CỤC KIỂM LÂM; Thời gian ký: 2026-11-16T17:27:41+07:00

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI CỤC KIỂM LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 210 /QĐ-CCKL

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8755:2024 về Giống cây lâm nghiệp - Cây trội;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 32/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 thành lập Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên; số 2563/QĐ-UBND ngày 12/8/2026 sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 thành lập Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-SNNMT ngày 27/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định nguồn giống cây trồng lâm nghiệp tại Báo cáo số 3297/BC-HĐTĐG ngày 12/11/2026 về kết quả thẩm định nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp - cây trội đối với cây Mỡ (có tên khoa học: *Manglietia conifera Blume*) với những nội dung sau:

1. Loại nguồn giống: Cây trội

2. Số lượng: 51 cây, có số hiệu: M01, M04, M05, M06, M09, M20, M22, M23, M25, M30, M32, M38, M40, M42, M43, M45, M46, M47, M48, M49, M52, M54, M56, M57, M58, M59, M60, M62, M63, M65, M68, M69, M70, M75, M76, M77, M78, M79, M80, M81, M82, M83, M84, M85, M86, M87, M88, M89, M90, M91, M92.

(chi tiết có danh sách kèm theo)

3. Mã số nguồn giống: **M.19.04**

4. Địa điểm nguồn giống: Thôn Cao Thanh, xã Thanh Thịnh, tỉnh Thái Nguyên.

5. Thời hạn sử dụng nguồn giống: từ tháng 11 năm 2026 đến hết tháng 11 năm 2036 (10 năm).

6. Chủ nguồn giống: hộ gia đình ông Đặng Xuân Trưởng, địa chỉ: Thôn Cao Thanh, xã Thanh Thịnh, tỉnh Thái Nguyên.

7. Số lượng tối đa vật liệu giống có thể cung cấp trong 1 năm khoảng 114,82 kg hạt khô/51 cây (trung bình khoảng 2,11 kg hạt khô/cây/năm).

Điều 2. Trách nhiệm của chủ nguồn giống.

- Quản lý, bảo vệ và chăm sóc nguồn giống theo đúng quy trình kỹ thuật; duy trì các đặc tính tốt của cây trội đã được công nhận; chỉ thực hiện khai thác, thu hái vật liệu giống từ các cây trội được công nhận tại Điều 1 Quyết định này.

- Trước mỗi đợt thu hái hạt giống, thông báo cho Hạt Kiểm lâm số 10 về thời gian, địa điểm, số lượng cây dự kiến thu hái và sản lượng dự kiến để phối hợp theo dõi, giám sát.

- Thực hiện thu hái quả trực tiếp trên các cây trội được công nhận; không thu hái, sử dụng quả rụng hoặc quả từ những cây không được công nhận. Quả thu hái phải được phân loại, sơ chế, bảo quản riêng theo từng cây mẹ; ghi chép, lưu giữ đầy đủ thông tin về số hiệu cây mẹ, thời gian, địa điểm thu hái, khối lượng hạt và lô hạt giống để bảo đảm truy xuất nguồn gốc.

- Lập, lưu giữ hồ sơ trong quá trình khai thác, thu hái, sản xuất, kinh doanh vật liệu giống; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành theo quy định tại Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Hủy bỏ công nhận nguồn giống

Trong thời hạn sử dụng, trường hợp nguồn giống bị thoái hóa, suy giảm năng suất, chất lượng, không đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia về nguồn giống thì việc kiểm tra, xác minh và hủy bỏ công nhận nguồn giống được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 6 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 4. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Giao Hạt Kiểm lâm số 10:

Theo dõi, kiểm tra định kỳ tình hình quản lý, bảo vệ, sinh trưởng, phát triển và khả năng ra hoa, kết quả của các cây trội được công nhận; theo dõi tình trạng sâu bệnh hại, mức độ suy thoái, biến động về năng suất, chất lượng hạt giống. Kịp thời phát hiện, báo cáo Chi cục Kiểm lâm những trường hợp cây bị suy giảm sức sống, suy thoái hoặc có dấu hiệu không còn đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia về nguồn giống để xem xét, xử lý theo quy định.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

3. Các ông, bà: Trưởng phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm số 10, hộ gia đình ông Đặng Xuân Trưởng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục Lâm nghiệp và kiểm lâm (báo cáo);
- Sở NN & MT (báo cáo);
- Phòng HCTH (đăng lên cổng TTĐT);
- UBND xã Thanh Thịnh;
- Hợp tác xã Đồng Tâm CM, địa chỉ: Thôn 5, xã Chợ Mới, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: VT, SDPTR.

CHI CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Lê Cẩm Long

DANH SÁCH CÂY TRỘI

Mỡ (*Manglietia conifera Blume*) được công nhận tại thôn Cao Thanh, xã Thanh Thịnh, tỉnh Thái Nguyên năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 210 /QĐ-CCKL ngày 12 /11/2026 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên)

TT	Số hiệu cây trội	D1.3 (cm)	Hdc (m)	Hvn (m)	Toạ độ VN 2000 (Kinh tuyến trục 106030', múi chiếu 30)	
					X	Y
1	M01	32,17	18	24	429123	2435017
2	M04	28,66	17	24	429106	2435011
3	M05	30,25	17	24	429109	2435009
4	M06	30,57	18	24	429097	2434998
5	M09	30,57	16	24	429116	2435002
6	M20	29,94	17	24	429148	2435013
7	M22	30,89	17	24	429157	2435015
8	M23	30,89	17	25	429158	2435007
9	M25	26,43	17	24	429169	2435007
10	M30	26,11	15	23	429175	2435021
11	M32	26,11	15	23	429185	2435025
12	M38	33,12	18	25	429150	2435016
13	M40	27,07	15	23	429139	2435018
14	M42	31,53	17	23	429131	2435017
15	M43	34,71	19	24	429143	2435051
16	M45	26,11	15	23	429147	2435071
17	M46	26,11	15	23	429147	2435065
18	M47	26,75	15	23	429140	2435064
19	M48	27,07	15	23	429133	2435070
20	M49	30,89	17	25	429123	2435070
21	M52	26,43	15	23	429123	2435065
22	M54	31,85	18	24	429139	2435062
23	M56	32,8	18	24	429131	2435055
24	M57	32,48	18	25	429136	2435051
25	M58	26,11	15	23	429142	2435049
26	M59	31,85	18	25	429128	2435037
27	M60	30,57	16	24	429123	2435051
28	M62	28,03	17	23	429121	2435039
29	M63	26,75	15	23	429133	2435037
30	M65	28,98	17	24	429116	2435024

TT	Số hiệu cây trội	D1.3 (cm)	Hdc (m)	Hvn (m)	Toạ độ VN 2000 (Kinh tuyến trục 106030', múi chiếu 30)	
					X	Y
31	M68	26,11	15	23	429104	2435021
32	M69	35,03	19	25	429104	2435020
33	M70	36,31	19	25	429101	2435024
34	M75	29,3	17	24	429183	2435043
35	M76	27,39	17	23	429177	2435045
36	M77	26,43	17	23	429180	2435037
37	M78	26,11	17	23	429173	2435027
38	M79	28,03	18	24	429165	2435043
39	M80	27,39	18	24	429163	2435037
40	M81	26,43	17	23	429160	2435043
41	M82	27,39	18	24	429156	2435037
42	M83	28,03	18	24	429171	2435036
43	M84	26,11	17	23	429158	2435017
44	M85	26,11	17	23	429151	2435024
45	M86	26,11	17	23	429144	2435027
46	M87	26,11	17	23	429136	2435025
47	M88	26,11	17	23	429141	2435036
48	M89	26,11	17	23	429143	2435080
49	M90	26,11	17	23	429159	2435075
50	M91	26,11	17	23	429138	2435100
51	M92	29,3	17	24	429142	2435090